

Bản án số: 103/2018/HS-PT
Ngày: 03-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 118/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Hoàng Tiến Th1 và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo:

1. Hoàng Tiến Th1, sinh năm 1984 tại tỉnh Nghệ An. Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số nhà A2, khu nhà ở xã hội, Khu dân cư V, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L, đã chết và bà Trần Thị L, đã chết; bị cáo có vợ tên Trần Thị T, sinh năm 1985; có 02 người con sinh năm 2008 và năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1987 tại tỉnh Quảng Bình. Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Số nhà 2, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Lê Thị D, sinh năm 1959; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1988; có 02 người con sinh năm 2012 và năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/9/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 31/01/2009. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Nguyễn Hồng P, sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Ngãi. Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: Số nhà 7, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1956; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Dương Quốc Th3 (tên gọi khác: N), sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: Số nhà 1, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Lê Đình H2, sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hoá. Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số nhà 9, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình V, sinh năm 1967 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; có 02 người con sinh năm 2013 và năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Huỳnh Anh B, sinh năm 1988 tại tỉnh Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số nhà 7, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Công T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Lương Thị Hoài T, sinh năm 1992; có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985 tại tỉnh Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số nhà 19A, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; có 01 người con sinh năm 2013 ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989 tại tỉnh Tiền Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Số nhà 52A, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961 và bà Lê Thị B, sinh năm 1956; bị cáo có vợ tên Trần Thị Út T, sinh năm 1988; có 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Nguyễn Quang H3, sinh năm 1990 tại tỉnh Ninh Bình. Hộ khẩu thường trú: Xóm L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Số nhà 5, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị B, sinh năm 1966; bị cáo có vợ tên Lê Thị B, sinh năm 1989; có 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Ngô Trung T (tên gọi khác: N), sinh năm 1984 tại tỉnh Long An. Hộ khẩu thường trú: Khóm V, Phường 3, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thành L, đã chết và bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1954; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981; có 01 người con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/01/2010, bị Công an huyện B, tỉnh Tây Ninh xử phạt cảnh cáo về hành vi vận chuyển hàng hóa nhập lậu. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 tại tỉnh Kiên Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số nhà 10, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị S, sinh năm 1956; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh năm 1993; có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

12. Trần Văn H4, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hoá. Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số nhà 7, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Trần Đăng C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị X, sinh năm 1992; có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo kháng cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Huỳnh Anh B, Nguyễn Quang H3, Trần Văn H4, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc L, Hoàng Tiến Th1: Ông Lê Văn N là Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Trong vụ án còn có 01 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 29/9/2017; Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn C, Ngô Trung T, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Quang H3, Huỳnh Anh B, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Ngọc L, Trần Văn H4, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Nguyễn Hữu C đến quán cà phê S tại khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương do Dương Quốc K làm chủ để uống nước và rủ nhau chơi đánh bài dưới hình thức bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền; cả nhóm nhờ K mua dùm 03 bộ bài tây 52 lá để chơi đánh bài. Trong quá trình chơi thì K bán nước cho các bị cáo, sau khi đánh bạc xong các bị cáo sẽ thanh toán tiền nước cho K. Hình thức chơi như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tây 52 lá, bỏ lá bài 10 đến K còn lại 36 lá bài từ lá bài át đến 9, người làm cái chia cho mỗi tụ 03 lá bài, số tiền đặt thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Ai có số nút cao hơn người làm cái thì thắng số tiền đặt cược, nhỏ hơn thì thua số tiền đã đặt cược; nếu nhà cái 10 nút thì thắng gấp 02 lần số tiền đặt cược của người chơi, thấp hơn 10 nút thì nhà cái trích ra 50.000 đồng để trả tiền nước và tiền mua bài cho K. Trường hợp người làm cái có 03 lá bài giống nhau thì thắng gấp 03 lần số tiền đặt cược của người chơi, 03 lá bài sảnh thì thắng gấp 04 lần; người chơi có 10 nút thì được làm cái.

Đến 15 giờ 40 phút cùng ngày, trong lúc các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an thị xã T phối hợp với Công an phường A bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm: 02 bộ bài tây đã qua sử dụng, 36 lá bài tây, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 3.850.000 đồng, thu giữ trong người các bị cáo số tiền 35.350.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cụ thể như sau: Hoàng Tiến Th1 mang theo và sử dụng 7.000.000 đồng để đánh bạc, thắng được 4.200.000 đồng, bị thu giữ 11.200.000 đồng; Dương Quốc Th3 mang theo 2.150.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đánh bạc, bị thu giữ 3.250.000 đồng, số tiền 1.150.000 đồng là tiền cá nhân không sử dụng đánh bạc; Ngô Trung T mang

theo 1.040.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 600.000 đồng; Nguyễn Hồng P mang theo và sử dụng 4.500.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 3.600.000 đồng; Trần Văn H4 mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 150.000 đồng; Nguyễn Ngọc L mang theo và sử dụng 1.900.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 700.000 đồng; Lê Đình H2 mang theo và sử dụng 1.750.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 1.500.000 đồng; Nguyễn Hữu C mang theo và sử dụng 1.800.000 đồng đánh bạc, bị thu giữ 1.500.000 đồng; Huỳnh Anh B mang theo 2.500.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc, bị thu giữ 1.000.000 đồng, số tiền 1.500.000 đồng là tiền cá nhân không sử dụng đánh bạc; Nguyễn Văn Th2 mang theo 7.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng được 3.300.000 đồng, bị thu giữ 10.300.000 đồng, số tiền 6.000.000 đồng là tiền cá nhân không sử dụng đánh bạc; Nguyễn Quang H3 mang theo 2.400.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ số tiền 2.000.000 đồng, số tiền này là tiền cá nhân không sử dụng đánh bạc; Nguyễn Văn C mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 250.000 đồng; Nguyễn Văn H1 mang theo 2.200.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, bị thu giữ 1.200.000 đồng, số tiền này bị cáo không sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 27.200.000 đồng. Dương Quốc K sử dụng địa điểm là quán cà phê S thuộc quyền sở hữu của mình cho các bị cáo đánh bạc thắng thua bằng tiền để bán nước uống và bài tây để thu lợi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4 phạm tội “Đánh bạc”.

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Ngô Trung T, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Văn Th2,

Xử phạt:

1. Bị cáo Hoàng Tiến Th1 09 (chín) tháng tù.
2. Bị cáo Ngô Trung T 09 (chín) tháng tù.

3. Bị cáo Nguyễn Văn Th2 09 (chín) tháng tù.
4. Bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù.
5. Bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (sáu) tháng tù.
6. Bị cáo Nguyễn Quang H3 06 (sáu) tháng tù.
7. Bị cáo Huỳnh Anh B 06 (sáu) tháng tù.
8. Bị cáo Nguyễn Hồng P 06 (sáu) tháng tù.
9. Bị cáo Nguyễn Ngọc L 06 (sáu) tháng tù.
10. Bị cáo Trần Văn H4 06 (sáu) tháng tù.
11. Bị cáo Dương Quốc Th3 06 (sáu) tháng tù.
12. Bị cáo Lê Đình H2 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bắt các bị cáo để thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Dương Quốc K 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc” nhưng cho hưởng án treo; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/7/2018, các bị cáo Nguyễn Quang H3, Lê Đình H2, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn C làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 10/7/2018, các bị cáo Nguyễn Hồng P, Trần Văn H4, Huỳnh Anh B, Dương Quốc Th3, Nguyễn Văn H1 làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 12/7/2018, các bị cáo Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 16/7/2018, bị cáo Hoàng Tiến Th1 làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, số tiền đánh bạc không lớn nên không cần thiết phạt tù mà chuyển sang hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Th2 và T có nhân thân xấu, bị cáo Th1 làm cái nên cần cân nhắc về số tiền phạt so với các bị cáo khác. Tòa án cấp

sơ thẩm áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để cho bị cáo Dương Quốc K được hưởng án treo là không đúng quy định pháp luật mà cần phải áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền; cụ thể: Các bị cáo Th2, T, Th1 phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng; các bị cáo P, Th3, H2, B, H1, L, H3, C, H4 phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Huỳnh Anh B, Nguyễn Quang H3, Trần Văn H4, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc L, Hoàng Tiến Th1 trình bày nội dung bào chữa: Đồng tình với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo có việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận cho các bị cáo được chuyển sang hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo mong Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho các bị cáo được hưởng án treo, các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 29/9/2017, tại quán cà phê S thuộc khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương do bị cáo Dương Quốc K làm chủ; các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn C, Ngô Trung T, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Quang H3, Huỳnh Anh B, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Ngọc L, Trần Văn H4, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Nguyễn Hữu C đang chơi đánh bạc dưới hình thức bài cáo 03 lá thắng thua bằng tiền thì bị công an phát hiện bắt quả tang, tiền tang thu giữ tại chiếu bạc là 3.850.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 27.200.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Th1, P, Th3, H2, B, H1, L, H3, C, H4, Th2, T thì các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Tuy nhiên, các bị cáo đánh bạc với số lượng người đông; hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của nhau nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Để đáp ứng tình hình phòng, chống tội phạm tại địa phương; nhằm lập lại trật tự trị an trên địa bàn thì cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó, các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo là không được chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để cho bị cáo Dương Quốc K được hưởng án treo là không đúng pháp luật. Vì Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018 nên cần áp dụng Nghị quyết này để cho bị cáo K được hưởng án treo nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của bị cáo trong thời gian thử thách và

đảm bảo việc thi hành án sau này. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo K về áp dụng pháp luật.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền là chưa phù hợp với yêu cầu của phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm đánh bạc nói riêng.

[7] Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị cho các bị cáo mà mình bào chữa được chuyển sang hình phạt tiền là không phù hợp với đánh giá của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Riêng đối với bị cáo Dương Quốc K, tuy bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị nhưng do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật về án treo không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4 phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về áp dụng pháp luật đối với bị cáo Dương Quốc K.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Quốc K.

Xử phạt: Bị cáo Dương Quốc K 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày 05/7/2018. Giao bị cáo Dương Quốc K cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn

C, Trần Văn H4. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo có kháng cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Ngô Trung T, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Văn Th2,

Xử phạt:

Bị cáo Hoàng Tiến Th1 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Ngô Trung T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Nguyễn Văn Th2 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Nguyễn Quang H3 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Huỳnh Anh B 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Nguyễn Hồng P 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Trần Văn H4 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Dương Quốc Th3 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

Bị cáo Lê Đình H2 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 08/10/2017.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Hoàng Tiến Th1, Nguyễn Văn Th2, Ngô Trung T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn H1, Dương Quốc Th3, Lê Đình H2, Huỳnh Anh B, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Quang H3, Nguyễn Văn C, Trần Văn H4 mỗi người phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND thị xã T; 2
- VKSND thị xã T; 1
- Chi cục THADS thị xã T; 1
- Phòng PV27 - Công an tỉnh BD; 1
- Công an thị xã T; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh BD; 1
- Bị cáo; 12
- Tổ Hành chính Tư pháp; 2
- Lưu: HSPA, Tòa HS. 2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Huy Toàn

